

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HS-ST

Ngày: 23/11/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,  
TỈNH B**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông H1 Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông

2. Bà

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị H1 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

**- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H1m T Bắc, tỉnh Bình T tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thái T – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 N 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2022/HSST ngày 18/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-HS ngày 09/11/2022 đối với các bị cáo:

**1. Bùi Chí H.** Sinh N: 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm nông.

Trình độ học vấn: 9/12.

Cha: Bùi Chí Dũng, sinh N 1955;

Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh N 1962; Cả hiện cùng ở thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B.

Gia đình: có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3

Vợ: Phạm Thị T, sinh N 1997 (đã ly hôn)

Hiện ở thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh B.

Con: có 01 người con, sinh N 2019

Hiện ở thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 06/12/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình T xử phạt Bùi Chí H 05 N 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 181/2012/HSPT. Chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 31/8/2015 (đã được xóa án tích).

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

**2. Nguyễn Ngọc T2.** Sinh N: 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã H, huyện H, tỉnh B.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: không.

Trình độ học vấn: 0/12.

Cha: Nguyễn M, sinh N 1956;

Mẹ: Tôn Thị H, sinh N 1958; Cả hiện cùng ở thôn L, xã H, huyện H, tỉnh B.

Gia đình: có 06 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 04/7/2014, Tòa án nhân dân huyện H1m T Bắc xử phạt Nguyễn Ngọc T2 22 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án số 50/2014/HSST. Chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 31/8/2015 (đã được xóa án tích).

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:**

- Ông Ngô Văn B, sinh N 1976

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B

**Người làm chứng:**

Anh Võ Trọng T2, sinh N 1999

Địa chỉ: Thôn 01, xã H, huyện H, tỉnh B.

Anh Võ T2 Lựu, sinh N 1997

Địa chỉ: Thôn 01, xã H, huyện H, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 17/12/2021, Đồng Thanh T đi chích cá cách nH1 khoảng 500m thì thấy tại vườn thanh long của ông Trần Văn N ở cùng thôn có để nhiều cuộn dây điện trên đầu trụ thanh long (chuẩn bị kéo dây chông đèn thanh long) nên nảy sinh ý định lấy trộm. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T mang theo 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) và 01 cây kéo dài 23 cm, bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen một mình đi bộ đến vườn thanh long của ông N. T lết lút đột nhập vào vườn thanh long dùng kéo cắt, lấy trộm 10 cuộn dây điện, nhãn hiệu Cadivi, lõi đồng,

với tổng chiều dài 600 mét (loại dây điện dùng để chong đèn thanh long). Sau khi cắt xong, T bỏ toàn bộ số dây điện trộm được vào bao tải mang theo rồi đem về phía sau nh1 mình đốt vỏ nhựa lấy lõi đồng. Đến khoảng 08 giờ ngày hôm sau (ngày 18/12/2021) T thấy có một người phụ nữ đi mua phế liệu (không rõ họ tên, địa chỉ) ngang qua nh1 nên gọi vào bán số dây đồng vừa đốt được. Người phụ nữ mua phế liệu không biết số dây điện T bán là tài sản do phạm tội mà có nên đồng ý mua và cân số dây đồng được 8,3kg lõi đồng, giá 140.000 đồng/kg trả cho T số tiền 1.162.000 đồng. Toàn bộ số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/12/2021, ông Trần Văn N phát hiện bị kẻ gian cắt trộm dây điện nên trình báo Công an xã H. Qua xác minh, Công an xã H mời Đồng Thanh T tới trụ sở làm việc. Tại đây T đã thừa nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội của mình và giao nộp lại công cụ thực hiện tội phạm là cây kéo và 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) cho Công an xử lý theo quy định.

**\* Kết luận định giá tài sản số 07/2022/HĐĐGTT** ngày 09/02/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện H1m T Bắc:

**- 600 mét dây điện:**

- + Loại dây đôi, bọc nhựa
- + Nhãn hiệu Cadivi, loại 1,5mm, mua N 2018
- + Trị giá tại thời điểm xảy ra vụ án là 9.000đ/m.
- + Giá trị sử dụng còn lại là 50%.

TH1nh tiền:  $600m \times 9.000đ/m \times 50\% = 2.700.000$  đồng.

**Tổng giá trị tài sản định giá là 2.700.000 đồng.**

**Vật chứng vụ án thu giữ và xử lý:**

01 cây kéo bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 23cm; 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) là vật chứng của vụ án. Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã ra Quyết định chuyển vật chứng từ Cơ quan CSĐT Công an huyện H đến Chi cục thi H1nh án dân sự huyện H để bảo quản, xử lý theo quy định.

**Về dân sự:**

Bị hại Trần Văn N yêu cầu bị cáo Đồng Thanh T bồi thường thiệt hại 600m dây điện theo kết luận định giá tài sản với số tiền 2.700.000 đồng. Đến nay bị cáo T đã bồi thường cho bị hại số tiền 1.400.000 đồng, còn lại 1.300.000 đồng, ông Trần Văn N tiếp tục yêu cầu bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 44/CT/VKSHTB ngày 25/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H1m T Bắc truy tố bị cáo Đồng Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 sửa đổi bổ sung N 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 173; Điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017. Xử phạt Đồng Thanh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự N 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 23cm; 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) là vật chứng của vụ án.

**Về bồi thường dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự N 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ Luật Dân sự N 2015:

Buộc bị cáo Đồng Thanh T bồi thường cho ông Trần Văn N 1.300.000 đồng.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa cũng như không có ý kiến về lời luận tội của kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ H1nh vi phạm tội và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H1m T Bắc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, của người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người bị hại, vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tiến H1nh xét xử vắng mặt người bị hại.

[3] Căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về H1nh vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện H1m T Bắc, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 17/12/2021, Đồng Thanh T lén lút đột nhập vườn thanh long của ông Trần Văn N ở thôn 1, xã H, huyện H sử dụng 01 cây kéo bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 23cm cắt trộm 10 cuộn dây điện với tổng chiều dài 600 mét của ông Trần Văn N đem về nH1 đốt lấy lõi đồng bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng trị giá tài sản là số dây điện bị T chiếm đoạt theo kết quả định giá tài sản là 2.700.000 đồng. H1nh vi của bị cáo không những xâm

phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản của công dân mà còn tạo dư luận xấu, gây mất trật tự trị an cho xã hội thực hiện với lỗi cố ý.

Do vậy, Hình vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới Năm triệu đồng” quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự N 2015 sửa đổi bổ sung N 2017. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hình vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

**[4]** Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo ý thức được quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng với bản chất lười biếng, lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã chuẩn bị công cụ đột nhập vào vườn thanh long của người dân để trộm cắp dây điện bán lấy tiền tiêu sài nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với Hình vi phạm tội của mình.

**[5]** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với Hình vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường được một phần tài sản chiếm đoạt cho người bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017.

Trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xem xét đến nhân thân của bị cáo, thấy rằng bị cáo thực hiện Hình vi phạm tội nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe cải tạo giáo dục riêng và tuyên truyền phòng chống tội phạm chung.

**[6]** Về xử lý vật chứng:

- 01 cây kéo bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 23cm; 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

**[7]** Về dân sự: Người bị hại Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng thể hiện trong quá trình điều tra đã được bị cáo bồi thường số tiền 1.400.000 đồng, tiếp yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.300.000 đồng là phù hợp. tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 1.300.000 đồng nên hội đồng xét xử chấp nhận.

**[8]** Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 01 Điều 173; Điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự N 2015 sửa đổi bổ sung N 2017

**Tuyên bố:** Bị cáo Đồng Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt:** Đồng Thanh T **06(sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp H1nh án

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự N 2015, sửa đổi bổ sung N 2017; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự N 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kéo bằng kim loại màu nâu đen, cán có vỏ bọc bằng nhựa màu đen, dài 23cm; 01 bao tải màu vàng (loại bao đựng lúa) là vật chứng của vụ án

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/3/2022 của Chi cục thi H1nh án dân sự huyện H1m T Bắc).

**Về bồi thường dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự N 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ Luật Dân sự N 2015:

Buộc bị cáo Đồng Thanh T bồi thường cho ông Trần Văn N 1.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án của người được thi H1nh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi H1nh án) cho đến khi thi H1nh án xong, bên phải thi H1nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H1nh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự N 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về án phí:** Áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đồng Thanh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi H1nh theo qui định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa T thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo qui định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện H;

**Đã ký**

- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan Thi H1nh án hình sự Công an huyện H;
- Bị cáo; những người tham gia tổ tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**H1 Văn H**